

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 122/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-7-2019
V/v: Ly hôn giữa
Chị P và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Hồng Minh

Bà: Đinh Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân– Thư ký TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện VKSND huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXX ST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị P – sinh năm 1985

Địa chỉ: xóm T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Bùi Thanh T– sinh năm 1983.

Địa chỉ: xóm T, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định

(Tại phiên tòa chị P có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 4 năm 2019 được bổ sung tại bản khai ngày 13 tháng 5 năm 2019, tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phan Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Phan Thị P và anh Bùi Thanh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X ngày 15/01/2008. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh T không tu chí làm ăn, mắc vào tệ nạn xã hội, chị khuyên bảo anh không khắc phục sửa chữa mà còn đánh đập chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn anh T.

Về con chung: chị và anh T có 2 con chung là Bùi Tuấn A sinh ngày 16/8/2008 và Bùi Ngọc C sinh ngày 16/9/2010. Tại bản tự khai và buổi hòa giải chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh T cấp dưỡng, nếu không được thì chị xin nuôi cháu Bùi Tuấn A. Nay tại phiên tòa chị thay đổi lời khai đề nghị để anh nuôi cả hai con vì các con muốn ở với bố, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh thấp nhất 1 triệu đồng mỗi tháng cho mỗi con.

Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Thanh T có bản tự khai ngày 15/5/2019 trình bày: anh và chị P kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X. Bản thân anh có mắc vào cờ bạc nghiện hút nhưng nay anh đã từ bỏ. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong chị rút đơn đoàn tụ. Nếu chị P cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh chị có 2 con chung là Bùi Tuấn A sinh ngày 16/8/2008 và Bùi Ngọc C sinh ngày 16/9/2010. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi 2 con và yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng một tháng cho 2 con. Về tài sản công nợ anh chị tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 15/5/2019 Tòa án thông báo tổ chức phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải vào 14 giờ ngày 17/5/2019. Chiều ngày 17/5/2019 anh chị đã đến Tòa để tham gia phiên công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng khi Tòa án đang hòa giải thì anh T bỏ về không ký văn bản.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự và đề nghị giải quyết cho chị P ly hôn anh T. Con chung giao cho chị P nuôi dưỡng cháu Bùi Tuấn A, anh Thiện nuôi dưỡng cháu Bùi Ngọc C. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã giao Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng liên quan theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh cũng đã có bản khai thể hiện quan điểm của mình, tại phiên kiểm tra, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải anh đã trình bày rõ quan điểm nhưng không ký văn bản tự ý bỏ về. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Chị Phan Thị P và anh Bùi Thanh T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên là cuộc hôn nhân hợp pháp. Anh chị mâu thuẫn bất đồng chủ yếu do cách cư xử của vợ chồng với nhau; anh có dính líu đến sử dụng ma túy, chị khuyên bảo không được, thậm chí còn đánh chửi nhau cho nên quan hệ vợ càng ngày càng trầm trọng. Xét cuộc hôn nhân khó tồn tại được vì người thì kiên quyết ly hôn, người thì muốn níu kéo nhưng không có biện pháp hữu hiệu hòa giải. Do vậy chị P xin ly hôn anh T sẽ được Tòa án chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị P có đề nghị để anh nuôi cả hai con, các con có ý kiến ở với bố, anh T cũng đề nghị nuôi cả hai con nên chấp nhận giao cả hai con cho anh T nuôi và chị phải cấp dưỡng nuôi con cho anh 1.500.000 đ/tháng cho mỗi con kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản, công nợ đương sự không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: chị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Phan Thị P và anh Bùi Thanh T.

2. Con chung: Chấp nhận đề nghị của chị P giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Tuấn A sinh ngày 16/8/2008 và Bùi Ngọc C sinh ngày 16/9/2010.

Buộc chị P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con kể từ tháng 7/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị P được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường theo biên lai thu tiền số: 0001507 ngày 06 tháng 5 năm 2019.

Báo cho chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu HS + VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh